TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TS** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Nam

2. Ông Trần Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Văn L, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 12, khóm TĐ, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 12, khóm TĐ, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Văn L trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị L1 tự tìm hiểu và sống chung vào năm 1990, không tổ chức đám cưới mà có làm đám phú phạt, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung và 01 con nuôi. Đến tháng 5 năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thì chị L1 bỏ nhà đi ở với con gái ngoài Long Xuyên nên ly thân cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị L1.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Kim L2, sinh ngày 29/10/1992; Hồ Văn B, sinh ngày 09/8/1994 và 01 con nuôi tên Hồ Văn Đ, sinh ngày 27/7/2000. Các con đều đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

** Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Chị và anh Hồ Văn L tự tìm hiểu và sống chung vào năm 1990, không tổ chức đám cưới nhưng có làm đám phú phạt, sau đó đến năm 2004 chị muốn cắt hộ khẩu từ Long Xuyên về thị trấn OE thì phải có giấy đăng ký kết hôn mới nhập hộ khẩu về thị trấn OE được nên chị nhớ là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn OE, huyện TS nhưng không trích lục được. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có 02 con chung và 01 con nuôi. Đến khoảng giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có người phụ nữ khác nên thường xuyên chửi và đánh chị, mặc dù gia đình và các con cũng khuyên nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị ra Long Xuyên ở với con gái ruột nên ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Kim L2, sinh ngày 29/10/1992; Hồ Văn B, sinh ngày 09/8/1994 và 01 con nuôi tên Hồ Văn Đ, sinh ngày 27/7/2000. Các con đều đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền

và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Văn L và chị Nguyễn Thị L1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Kim L2, sinh ngày 29/10/1992; Hồ Văn B, sinh ngày 09/8/1994 và 01 con nuôi tên Hồ Văn Đ, sinh ngày 27/7/2000. Các con đều đã thành niên nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị L1 có địa chỉ tại khóm TĐ, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn L và chị Nguyễn Thị L1 sống chung vào năm 1990, không tổ chức đám cưới. Theo anh L trình bày thì vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên chị L1 cho rằng nhớ là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn OE nhưng chị L1 không cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Mặt khác, tại Công văn số 196/CV-UBND ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn OE cũng xác nhận: Qua trích lục tàng thư lưu trữ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang từ năm 1990 đến nay không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Hồ Văn L và chị Nguyễn Thị L1.

Xét thấy, theo Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng…."*. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này…"*. Như vậy, mặc dù anh L và chị L1 đã sống chung với nhau trong một thời gian dài từ năm 1990 đến nay và có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh L và

chị L1 là vợ chồng nên việc anh L yêu cầu được ly hôn chị L1 là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị L1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Kim L2, sinh ngày 29/10/1992; Hồ Văn B, sinh ngày 09/8/1994 và 01 con nuôi tên Hồ Văn Đ, sinh ngày 27/7/2000. Các con đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Tự thoản thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Hồ Văn L yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Văn L và chị Nguyễn Thị L1.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Kim L2, sinh ngày 29/10/1992; Hồ Văn B, sinh ngày 09/8/1994 và 01 con nuôi tên Hồ Văn Đ, sinh ngày 27/7/2000. Các con đều đã thành niên.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thoản thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Hồ Văn L và chị Nguyễn Thị L1 không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Hồ Văn L và chị Nguyễn Thị L1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Hồ Văn L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011540 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm